|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  **BỘ TÀI CHÍNH**––-– |  | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập** - **Tự do** - **Hạnh phúc** |
|  |  | ----------------------------------------------- |
| Số:/2020/TT-BTC |  | *Hà Nội, ngày tháng năm 2020* |
| **DỰ THẢO** |  |  |

**THÔNG TƯ**

**Sửa đổi, bổ sung Biểu mức thu phí, lệ phí ban hành kèm theo**

**Thông tư số 219/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016**

**quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí**

**trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, cư trú tại Việt Nam**

-----------------------------

*Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;*

*Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách thuế;*

*Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung Biểu mức thu phí, lệ phí ban hành kèm theo Thông tư số 219/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, cư trú tại Việt Nam.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điểm 5 và Điểm 10 Mục II Biểu mức thu phí, lệ phí ban hành kèm theo Thông tư số 219/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 như sau:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Stt** | **Nội dung** | **Mức thu** |
| 5 | Cấp thẻ tạm trú: |  |
| a | Có thời hạn từ 01 năm đến không quá 02 năm | 145 USD/thẻ |
| b | Có thời hạn từ 02 năm đến không quá 05 năm | 155 USD/thẻ |
| ***c*** | ***Có thời hạn từ 05 năm đến không quá 10 năm[[1]](#footnote-1)*** | ***165 USD/thẻ*** |
| ~~c~~ | ~~Đối với người nước ngoài được Cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở nước ngoài cấp thị thực nhiều lần ký hiệu LĐ, ĐT thời hạn trên 01 năm[[2]](#footnote-2)~~ | ~~5 USD/thẻ~~ |
| ~~10~~ | ~~Cấp thị thực tại cửa khẩu có giá trị không quá 15 ngày trong trường hợp người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam theo diện đơn phương miễn thị thực, sau đó xuất cảnh sang nước thứ ba rồi nhập cảnh trở lại Việt Nam cách thời điểm xuất cảnh Việt Nam chưa đến 30 ngày~~***Cấp thị thực theo danh sách xét duyệt nhân sự của cơ quan quản lý xuất nhập cảnh đối với người nước ngoài tham quan, du lịch bằng đường biển hoặc quá cảnh đường biển có nhu cầu vào nội địa thăm quan, du lịch theo chương trình do doanh nghiệp lữ hành quốc tế tại Việt Nam tổ chức; thành viên tàu quân sự nước ngoài đi theo chương trình hoạt động chính thức của chuyến thăm ngoài phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi tàu, thuyền neo đậu*** | 5 USD/người |

**Điều 2**. **Điều khoản thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2020.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản liên quan đề cập tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** | **KT. BỘ TRƯỞNG** |
| - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;- Văn phòng Tổng Bí thư;- Văn phòng Quốc hội;- Văn phòng Chủ tịch nước;- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;- Toà án nhân dân tối cao; - Kiểm toán nhà nước;- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;- UBND, Sở Tài chính, Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;- Công báo; - Cổng thông tin điện tử Chính phủ;- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;- Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính;- Lưu: VT, CST (CST5). | **THỨ TRƯỞNG** |
| **Vũ Thị Mai** |

1. Phần in ngiêng đậm là nội dung bổ sung so với quy định tại Thông tư số 219/2020/TT-BTC. [↑](#footnote-ref-1)
2. Phần ngạch ngang làm nội dung bãi bỏ so với quy định tại Thông tư số 219/2020/TT-BTC. [↑](#footnote-ref-2)